

## BÀI 34. ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG (2 tiết)

### 1 Mục tiêu và yêu cầu cần đạt

1.1. Về kiến thức: Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.

1.2. Về kĩ năng (năng lực)

- Biết đo độ dài đoạn thẳng bằng thước thẳng có chia vạch.
- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến độ dài đoạn thẳng.

1.3. Về phẩm chất: Bồi dưỡng hứng thú học tập, mong muốn tìm hiểu, khám phá kiến thức.

### 2 Những điểm cần lưu ý khi chuẩn bị bài giảng

2.1. Chuẩn bị trước khi lên lớp




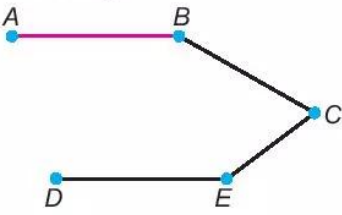
- *Đối với giáo viên:*
  - Sưu tầm những hình ảnh thực tế, minh hoạ các khái niệm đoạn thẳng.
  - Máy chiếu (nếu có).
  - Các dụng cụ vẽ hình trên bảng: thước, compa, ê ke.
- *Đối với học sinh:* Các dụng cụ vẽ hình: thước, compa, ê ke.

### 3 Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học chủ yếu





#### 3.1. Thực hiện các cấu phần chính của bài học

Bài này có hai mục thực hiện trong 2 tiết lên lớp. Dự kiến mỗi mục sẽ được dạy trong một tiết. Dưới đây là những gợi ý cụ thể:

#### 1. ĐOẠN THẲNG (45 phút)

CẤU PHẦN (Thời lượng)	MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	GỢI Ý THỰC HIỆN, ĐÁP ÁN, TRẢ LỜI
 <i>Tìm tòi – Khám phá</i> (10 phút)	Từ thực tế quan sát quãng đường người đi xe đạp đi qua và vạch thẳng nối hai điểm A, B, HS bắt đầu hình thành hình ảnh của một đoạn thẳng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mỗi vị trí người đi xe đạp đi qua đều nằm giữa hai điểm A và B.</li> <li>Điểm C nằm giữa A và B thì nằm trên phần vạch thẳng màu đen, điểm D không nằm giữa A và B thì không nằm trên phần này.</li> </ul>
 <i>Đọc hiểu – Nghe hiểu</i> (10 phút)	HS biết khái niệm đoạn thẳng và các đầu mút của đoạn thẳng.	GV vẽ đoạn thẳng AB và một điểm M nằm giữa A và B. GV viết lại khái niệm đoạn thẳng AB và đầu mút của đoạn thẳng AB.
 <i>Câu hỏi</i> (5 phút)	HS nhận biết được đoạn thẳng, đọc tên được đoạn thẳng trên hình vẽ.	GV vẽ hình và yêu cầu một HS trả lời.
<i>Luyện tập 1</i> (10 phút)	HS vừa vẽ các đoạn thẳng vừa đọc tên các đoạn thẳng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>GV hướng dẫn HS làm phần a) và yêu cầu HS tự làm phần b).</li> <li>GV có thể yêu cầu HS kiểm tra đối chiếu kết quả chéo nhau.</li> </ul>
<i>Vận dụng 1</i> (10 phút)	HS vẽ hình, dùng suy luận logic hoặc hình vẽ để ra được đáp án là cần xây thêm 3 cây cầu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>GV giải thích rằng: Bắt đầu từ A hoặc B, mỗi lần muốn đi đến một hòn đảo mới, ta cần một cây cầu bắc đến hòn đảo đó, do vậy cần xây thêm ít nhất 3 cây cầu.</li> <li>GV vẽ một số mô hình thể hiện đáp án của mình, chẳng hạn như hình dưới đây.</li> </ul> 

## 2. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG (45 phút)

CẤU PHẦN (Thời lượng)	MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	GỢI Ý THỰC HIỆN, ĐÁP ÁN, TRẢ LỜI
 <i>Tìm tòi – Khám phá</i> (10 phút)	HS nhận biết đơn vị đo độ dài bằng gang tay hay xentimét,...	Cho HS hoạt động tự do và trả lời câu hỏi.
 <i>Đọc hiểu – Nghe hiểu</i> (10 phút)	Nhận biết: – Đơn vị độ dài; – Độ dài đoạn thẳng; – Khoảng cách giữa hai điểm.	Dựa vào <b>HD3</b> và <b>HD4</b> để nói về độ dài, đơn vị đo độ dài.
 <i>Câu hỏi</i> (5 phút)	– HS tìm thêm những đơn vị đo trong thực tế. – Biết cách đo đoạn thẳng dài hơn thước đo.	Chú ý HS về việc cộng độ dài đoạn thẳng.
 <i>Tìm tòi – Khám phá</i> (5 phút)	Biết cách so sánh độ dài các đoạn thẳng bằng thước đo hoặc compa.	Chú ý cho HS cách viết khi so sánh hai đoạn thẳng.
<i>Ví dụ</i> (5 phút)	HS biết cách cộng, trừ các đoạn thẳng.	GV vẽ hình, phân tích và hướng dẫn HS làm phép tính.
<i>Luyện tập 2</i> (5 phút)	HS biết cách đo đoạn thẳng và kí hiệu đoạn thẳng bằng nhau trên hình vẽ.	– GV yêu cầu HS đo rồi so sánh kết quả với các bạn khác và rút ra kết luận. – GV hướng dẫn HS kí hiệu các đoạn thẳng bằng nhau.
<i>Vận dụng 2</i> (5 phút)	HS biết cách dùng thước đo chiều dài của một vật thực trong cuộc sống.	Yêu cầu HS so sánh kết quả với các bạn khác.

### 3.2. Lựa chọn bài tập

8.10, 8.13. Yêu cầu HS so sánh hai đoạn thẳng thông qua độ dài của chúng.

8.11, 8.12. Yêu cầu HS biết cách đo độ dài đoạn thẳng thông qua vật mẫu.

8.14. Củng cố kĩ năng tính tổng đoạn thẳng.

### 4 Trả lời/Hướng dẫn/Giải một số bài tập

8.10.  $OM = ON = 2 \text{ cm}$ .

8.11.  $AB = 12 - 3 = 9 \text{ (cm)}$ .

8.12. Lớp học dài khoảng:  $18 \cdot 0,6 = 10,8 \text{ (m)}$ .

8.13.  $CD < EF < GH < AB < IK$ .

8.14. Trước khi gãy, chiều cao của cây là:  $3 + 1,75 = 4,75 \text{ (m)}$ .